

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 20/2019/HNGĐ-ST

Ngày 09/9/2019

Về việc “Ly hôn”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Yến;

Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Mạnh Biện và bà Nông Thị Giới;

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tân Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Long tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 9 năm 2019 tại Toà án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 201/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm 1958 (có mặt)
- Bị đơn: Ông Huỳnh Văn M, sinh năm 1955 (xin xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 3 ấp TH, xã TL, thị xã BL, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 7 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết H trình bày:

Bà và ông Huỳnh Văn M sau thời gian tìm hiểu đã tự nguyện chung sống từ năm 1980, không đăng ký kết hôn. Việc chung sống là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 38 năm, đầu năm 2019 cho đến nay vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã, bà thấy mục đích hôn nhân không

đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Văn M.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 6 con chung tên Huỳnh Thị Thu T, sinh năm 1981; Huỳnh Văn T, sinh năm 1983; Huỳnh Thị Cẩm Th, sinh năm 1984; Huỳnh Hoàng G, sinh năm 1986; Huỳnh Thị Bé Nh, sinh năm 1988; Huỳnh Phát Đ, sinh năm 1996. Hiện các con chung đã trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung và tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 23 tháng 7 năm 2019, bị đơn ông Huỳnh Văn M trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị Tuyết H về thời gian chung sống, về tình trạng hôn nhân của vợ chồng. Nay bà Nguyễn Thị Tuyết H yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 6 con chung tên Huỳnh Thị Thu T, sinh năm 1981; Huỳnh Văn T, sinh năm 1983; Huỳnh Thị Cẩm Th, sinh năm 1984; Huỳnh Hoàng G, sinh năm 1986; Huỳnh Thị Bé Nh, sinh năm 1988; Huỳnh Phát Đ, sinh năm 1996. Hiện các con chung đã trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Ngày 31 tháng 7 năm 2019, ông Huỳnh Văn M có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung và việc nuôi con sau khi ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ ý kiến trình bày và kết quả tranh luận tại phiên tòa và thông qua nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết H, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Ly hôn” theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 do bà Nguyễn Thị Tuyết H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Văn M.

Ông Huỳnh Văn M đăng ký hộ khẩu thường trú địa chỉ tổ 3 ấp TH, xã TL, thị xã BL, tỉnh Bình Phước. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã BL, tỉnh Bình Phước.

Ngày 31 tháng 7 năm 2019, ông Huỳnh Văn M có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật.

Về sự tham gia phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã BL, tỉnh Bình Phước: Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ trong hồ sơ vụ án nên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã BL không tham gia phiên tòa xét xử vụ án theo quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 232 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án không có sự tham gia của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã BL.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tuyết H và ông Huỳnh Văn M tự nguyện chung sống từ năm 1980 cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Tuyết H, ông Huỳnh Văn M được xác lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987 (ngày Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực) nên hôn nhân của bà Nguyễn Thị Tuyết H, ông Huỳnh Văn M là hợp pháp.

Bà Nguyễn Thị Tuyết H thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Văn M. Tại bản tự khai ngày 23 tháng 7 năm 2019, ông Huỳnh Văn M đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Tuyết H. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Tuyết H.

[3]. Về con chung và tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Tuyết H là người cao tuổi (61 tuổi) nên thuộc trường hợp miễn nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tuyết H được ly hôn với ông Huỳnh Văn M.

- Về con chung và tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Tuyết H là người cao tuổi nên thuộc trường hợp miễn nộp án phí.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương và nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh BP;
- VKSND thị xã Bình Long;
- Chi cục THADS thị xã Bình Long;
- Dương sự;
- Lưu HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Yến

